TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HN - ST
Ngày: 21 – 4 - 2023
"V/v *Tranh chấp về ly hôn, quyền nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng, chia tài sản chung khi ly hôn và đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bé Riêng
2. Ông Nguyễn Văn Xuôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa*:** Không có.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST - HN, ngày 12 tháng 01 năm 2023; Về việc: Tranh chấp về ly hôn, quyền nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng, chia tài sản chung khi ly hôn và đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2023/QĐXXST – HN ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tiểu M, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Cao Hữu H, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cao Hữu Hoàng là ông Nguyễn Văn N – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Văn N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.(có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Y, sinh 1963. Địa chỉ: ấp R, xã Đại P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiểu M trình bày: Bà với ông Cao Hữu H do mai mối, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới năm 2019, có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Nữ trang cưới gồm có 01 đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra, 01 sợi dây chuyền nặng 03 chỉ vàng 24Kra, 01 lắc tay nặng 03 chỉ vàng 24Kra, 01 kiềng cổ nặng 02 chỉ vàng 24Kra và cặp nhẫn cưới nặng 01 chỉ vàng 18Kra. Sau khi cưới vợ chồng có bán 01 kiềng cổ nặng 02 chỉ vàng 24Kra để mua bò chăn nuôi; số nữ trang còn lại thì bà có gửi bà Yến giữ 01 đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra, còn lại bà đang quản lý 01 sợi dây chuyền nặng 03 chỉ vàng 24Kra, 01 lắc tay nặng 03 chỉ vàng 24Kra và cặp nhẫn cưới nặng 01 chỉ vàng 18Kra.

Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên nhà cha mẹ ruột của ông H, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về vấn đề kinh tế, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, ông H không quan tâm gia đình vợ con, thường xuyên đi nhậu, từ đó mà tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Tên Cao Hữu N, sinh ngày 04/4/2020; hiện bà và ông H đang cùng nhau nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Có 01 đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra hiện do bà Y đang quản lý; 01 sợi dây chuyền nặng 03 chỉ vàng 24Kra, 01 lắc đeo tay nặng 03 chỉ vàng 24Kra và 01 cặp nhẫn cưới nặng 01 chỉ vàng 18Kra hiện do bà M đang quản lý. Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu bà Y trả 01 đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra; giải quyết chia cho bà M được hưởng 3,5 chỉ vàng 24Kra và 0,5 chỉ vàng 18Kra; chia cho ông H được hưởng 3,5 chỉ vàng 24Kra và 0,5 chỉ vàng 18Kra. Ngoài ra bà M yêu cầu giải quyết chia đôi số tiền bán bò là 89.000.000đồng, bà M hưởng 44.500.000đồng và ông H hưởng 44.500.000đồng. Nhưng do giữa bà và ông H đã thống nhất thỏa thuận phân chia được tài sản chung, nay bà rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và rút lại yêu cầu bà Y trả đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà M khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Cao Hữu H trình bày: Ông thống nhất với bà Nguyễn Thị Tiểu M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên về tài sản chung thì bà Y có giao trả lại cho ông 01 đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra hiện ông đang giữ, còn số tiền bán bò 89.000.000đồng thì ông đã trả tiền thức ăn, lo cho con còn lại 80.000.000đồng và ông đã dùng số tiền này mua 15 chỉ vàng 24Kra, hiện do ông đang quản lý và bà M cũng thống nhất về tài sản này.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm về kinh tế, tiền bạc trong gia đình, từ đó cự cãi thường xuyên làm cho cuộc sống không hạnh phúc và đã ly thân nhau cho đến nay khoảng 4 đến 5 tháng. Nay ông xin được đoàn tụ để cùng nhau lo cho con, nếu bà cương quyết ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu

của bà M.

- *Về con chung*: Tên Cao Hữu N, sinh ngày 04/4/2020; từ khi vợ chồng ly thân nhau cho đến nay thì ông và bà M thay phiên nhau mỗi người một tuần cùng lo cho con. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Giữa ông và bà M đã thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo lời khai bà Huỳnh Thị Y trình bày*:** Bà là mẹ chồng của bà M, khi cưới vợ cho ông H thì bà có cho vợ chồng đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra và một số nữ trang khác, sau khi cưới thì bà M có gửi cho bà đôi bông tai để cất giữ vì bà M có đôi bông khác để đeo hằng ngày. Nay bà M xin ly hôn với ông H có đòi bà trả lại đôi bông tai, do M không trực tiếp lại gặp bà lấy lại đôi bông mà yêu cầu Tòa án giải quyết, bà đồng ý trả lại cho bà M đôi bông tai này.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị Tiểu M là nguyên đơn; có mặt ông Cao Hữu H là bị đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn và bà Huỳnh Thị Y là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các đương sự có mặt vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Muội khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà M và ông H có nơi cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà M và ông H đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại P vào ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà M và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà M cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về vấn đề kinh tế, thường xuyên cự cãi về vấn đề tiền bạc, ông H không quan tâm đến vợ con mà thường xuyên đi nhậu, dẫn đến mâu thuẫn trong

cuộc sống hằng ngày, đi lại, công việc làm ăn, dẫn đến không hạnh phúc. Theo ông H cho rằng do bất đồng trong vấn đề tiền bạc không tháo gỡ được nên bà M yêu cầu ly hôn. Nay bà M xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hàn gắn không hạnh phúc và có nguyện vọng được ly hôn với ông H. Ông H xin đoàn tụ để lo cho con nhưng nếu bà M cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M. Cho bà M và ông H được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Tên Cao Hữu N, sinh 04/4/2020; hiện bà M và ông H cùng nhau nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Mvà ông H đều có nguyện vọng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; xét thấy từ khi bà M và ông H ly thân nhau cho đến nay thì cháu Cao Hữu N được bà M và ông H thay phiên nhau nuôi dưỡng, xét về nghề nghiệp thì ông H làm nghề tiếp thị thời gian công việc đi lại thường xuyên, bà M thì làm thuê gần nhà thời gian đi lại thuận tiện cho việc chăm sóc con; mặt khác cháu Cao Hữu N thì còn rất nhỏ rất cần sự chăm sóc của bà M. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng cũng như thuận tiện cho việc chăm sóc con, khi ly hôn nên giao cháu Cao Hữu N cho bà Muội được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Do bà M không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi cháu Cao Hữu N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà M và ông H tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu bà Y trả lại 01 chỉ vàng 24Kra, do bà Y đã trả lại 01 chỉ vàng này cho ông H giữ. Bà M tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và yêu cầu bà Y trả vàng. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà M.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà M và ông H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Cao Hữu H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà M có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Ông H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tiểu M.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tiểu M và ông Cao Hữu H được ly hôn.

2. Về con chung: Tên Cao Hữu N, sinh 04/4/2020. Khi ly hôn giao cháu Cao Hữu N cho bà Nguyễn Thị Tiểu Mđược quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn ông Cao Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị Tiểu M chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tiểu M và ông Cao Hữu H không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Mvề việc chia tài sản chung và đòi lại tài sản.

5. Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị Tiểu M và ông Cao Hữu H khai không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tiểu M có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Đối với số tiền 1.868.000đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Tiểu M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0013710 ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C được khấu trừ vào số tiền án phí mà bà M phải chịu, còn lại hoàn trả cho bà M.

Ông Cao Hữu H không phải chịu án phí.

“ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh